



Thứ hai, ngày 9 tháng 7 năm 2018

## Vietnam Daily Review

Thị trường biến động mạnh

### Dự đoán xu hướng thị trường

|                    | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|--------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 9/7/2018      |          | •         |          |
| Tuần 9/7-13/7/2018 |          | •         |          |
| Tháng 7/2018       |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Phiên giao dịch hôm nay là một phiên biến động mạnh.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+0.48 điểm); BHN (+0.4 điểm); VHM (+0.26 điểm); PLX (+0.25 điểm); GAS (+0.25 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VCB (-1.2 điểm); VIC (-1.05 điểm); HPG (-0.78 điểm); VJC (-0.36 điểm); NVL (-0.27 điểm)
- Thị trường thiếu hỗ trợ, giao dịch không sôi động.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2245 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 14.38 điểm. Thị trường có 131 mã tăng và 145 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 2.39 điểm, đóng cửa tại 915.12 điểm. Trái lại, HNX-Index tăng 0.06 điểm lên 100.76 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 150.02 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (39.63 tỷ), VIC (37.89 tỷ) và MSN (23.99 tỷ). Trái lại, họ mua ròng 10.71 tỷ đồng trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Phiên giao dịch hôm nay tiếp tục là một phiên biến động mạnh. Mở đầu phiên buổi sáng, nổi tiếp đà tăng từ các phiên trước, tâm lý nhà đầu tư hứng khởi, giúp chỉ số bật 10 điểm. Tuy nhiên, trong thời gian còn lại, đà bán đã áp đảo khiến chỉ số đảo chiều, đóng cửa ở mức tham chiếu. BSC nhận định thanh khoản thấp cũng với việc khối ngoại liên tục bán ròng sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý đầu tư. Nhà đầu tư vẫn nên quan sát thị trường, chờ đợi khi thị trường đã ổn định lại.

### Phân tích kỹ thuật:

#### DGW\_Đỡ cung mạnh

(Vui lòng tải và xem trang 2)

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

**VN-INDEX 915.12**

Giá trị: 2245 tỷ -2.39 (-0.26%)

Khối ngoại (ròng): -150.02 tỷ

**HNX-INDEX 100.76**

Giá trị: 478.24 tỷ 0.06 (0.06%)

Khối ngoại (ròng): 10.71 tỷ

**UPCOM-INDEX 49.31**

Giá trị: 123.8 tỷ -0.34 (-0.68%)

Khối ngoại (ròng): -22.2 tỷ

### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 73.6    | -0.24% |
| Giá vàng           | 1,264   | 0.68%  |
| Tỷ giá USD/VND     | 23,040  | 0.02%  |
| Tỷ giá EUR/VND     | 27,067  | 0.36%  |
| Tỷ giá JPY/VND     | 20,847  | -0.03% |
| LS liên NH 1 tháng | 1.6%    | -      |
| LS TPCP 5 năm      | 3.6%    | -      |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| GAS     | 14.1    | LDG     | 13.8    |
| PLX     | 11.3    | PTB     | 6.1     |
| VRE     | 9.7     | KBC     | 5.1     |
| VCB     | 8.6     | PPC     | 3.8     |
| NT2     | 2.4     | BID     | 3.5     |

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

## Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

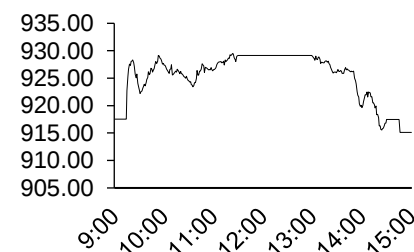
| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú          |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|------------------|
| ACB | 7.6                 | 33.0             | 29             | 44               | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| HPG | 6.1                 | 35.7             | 14             | 42               | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| SSI | 4.1                 | 27.8             | 25             | 32               | NGƯNG MUA  | Giảm giá kéo dài |
| MBB | 3.9                 | 20.4             | 19             | 24               | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| DXG | 3.6                 | 22.6             | 22             | 31               | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| VCB | 3.5                 | 54.0             | 51             | 61               | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| VIC | 3.3                 | 105.0            | 97             | 111              | NGƯNG BÁN  | Tăng giá kéo dài |
| NVL | 2.7                 | 51.1             | 49             | 52               | NGƯNG MUA  | Giảm giá kéo dài |
| VGC | 3.7                 | 16.7             | 16             | 24               | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| VPB | 2.6                 | 27.1             | 25             | 34               | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |

Trần Thành Hưng

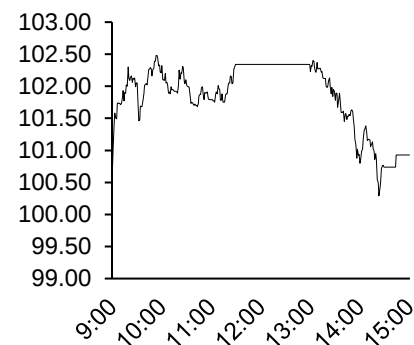
[hungtt@bsc.com.vn](mailto:hungtt@bsc.com.vn)

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

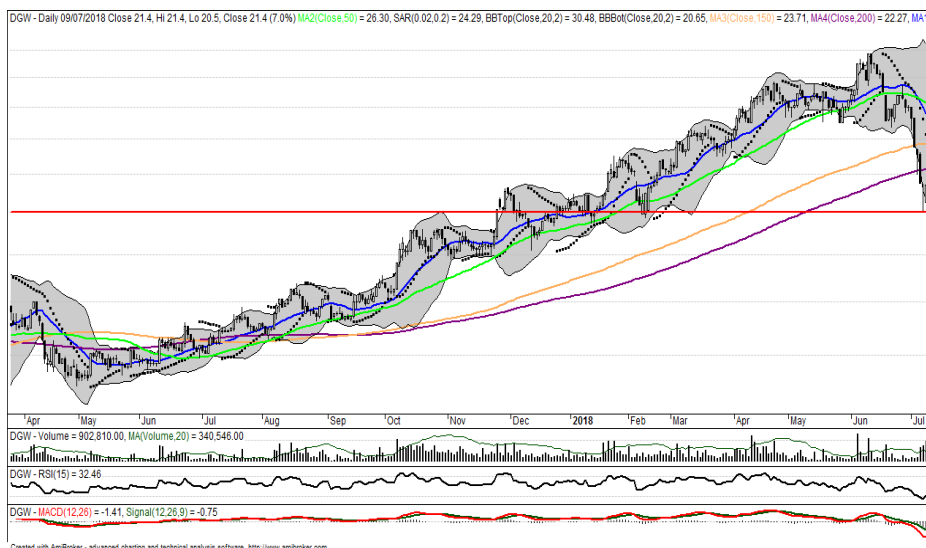
## Phân tích kỹ thuật

### DGW\_Đỡ cung mạnh

#### Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Điều chỉnh ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Giảm dưới mức 0 và phân kỳ với đường Signal
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận quá mua
- Khối lượng giao dịch tăng 200% so với trung bình 20 phiên giao dịch

**Nhận định:** Sau khi tạo đỉnh phiên 11/06 tại giá 29.7, DGW đã bị gây kên xu hướng và điều chỉnh mạnh cùng thị trường chung xuống đáy gần nhất tại giá 20. Đã có lực cầu tham gia mua cổ phiếu này khiến khối lượng giao dịch và giá tăng mạnh. Tuy nhiên cổ phiếu này cần thêm thời gian để kiểm tra nguồn cung cổ phiếu trên thị trường và siết chặt về biên độ giao dịch cũng như khối lượng. Nhà đầu tư cần chờ đợi những tín hiệu tiếp theo của cổ phiếu này.



Bảng 1

#### Hợp đồng tương lai

| Ticker    | Đóng  | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|-------|--------|--------|
| VN30F1807 | 884.0 | -1.2%  | -10.2% |
| VN30F1808 | 883.5 | -1.4%  | 9.0%   |
| VN30F1809 | 882.2 | -1.6%  | -55.0% |
| VN30F1812 | 889.8 | -3.1%  | 4.7%   |

Bảng 2

#### Top tăng điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VNM | 167 | 0.6       | 0.6      |
| MBB | 20  | 0.7       | 0.4      |
| SBT | 15  | 2.7       | 0.3      |
| CTD | 141 | 1.5       | 0.2      |
| MSN | 74  | 0.3       | 0.2      |

#### Top giảm điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| HPG | 36  | -3        | -2.8     |
| VJC | 131 | -2        | -1.3     |
| VIC | 105 | -1        | -1.3     |
| VCB | 54  | -2        | -0.7     |
| MWG | 105 | -1        | -0.6     |

## Danh mục khuyến nghị

### Danh mục ngắn hạn

| TT                  | Mã | Ngày mua | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dừng lỗ | Mục tiêu |
|---------------------|----|----------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| <b>Trung bình</b>   |    |          |         |              |                |         |          |
| Nguồn: BSC Research |    |          |         |              |                |         |          |

### Danh mục CANSLIM

| TT                  | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dừng lỗ | Mục tiêu |
|---------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                   | MBB | 27/4/2015  | 13.8    | 20.40        | 47.8%          | 34.4    | 37.1     |
| 2                   | HPG | 28/10/2016 | 25.5    | 35.70        | 40.2%          | 57.0    | 64.3     |
| 3                   | HCM | 18/09/2017 | 41.9    | 50.80        | 21.2%          | 76.0    | 90.0     |
| 4                   | PDR | 2/3/2018   | 31.1    | 25.50        | -18.1%         | 34.0    | 45.0     |
| 5                   | GEX | 2/4/2018   | 36.8    | 31.00        | -15.6%         | 30.0    | 50.0     |
| Trung bình          |     |            |         |              | 15.1%          |         |          |
| Nguồn: BSC Research |     |            |         |              |                |         |          |

### Danh mục cơ bản

| Bảng theo dõi danh  |     |            |         |              |                |         |          |
|---------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| TT                  | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dừng lỗ | Mục tiêu |
| 1                   | PVT | 23/06/2016 | 11.1    | 14.6         | 31.5%          | 19.5    | 22.7     |
| 2                   | CTI | 29/07/2017 | 29.7    | 28.3         | -4.7%          | 31.2    | 36.3     |
| 3                   | ACB | 2/2/2018   | 41.5    | 33.0         | -20.5%         | 38.3    | 47.0     |
| 4                   | VGC | 06/04/2018 | 25.2    | 16.7         | -33.7%         | 23.2    | 32.5     |
| Trung bình          |     |            |         |              | -6.8%          |         |          |
| Nguồn: BSC Research |     |            |         |              |                |         |          |

| Mã  | Ngành             | Đóng<br>cửa<br>(nghìn<br>VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu<br>USD) | Thanh<br>khoản<br>(triệu<br>USD) | EPS<br>(VND) | P/E  | P/B  | NN sở<br>hữu | ROE   |       |
|-----|-------------------|-------------------------------|--------|------|---------------------------|----------------------------------|--------------|------|------|--------------|-------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 105.0                         | -1.4%  | 0.6  | 1,494                     | 1.6                              | 7,866        | 13.3 | 4.7  | 49.0%        | 42.1% |       |
| PNJ | Bán lẻ            | 82.5                          | -4.6%  | 0.9  | 589                       | 1.5                              | 4,872        | 16.9 | 4.2  | 73.5%        | 32.8% |       |
| BVH | Bảo hiểm          | 74.2                          | -1.1%  | 1.5  | 2,291                     | 0.2                              | 2,371        | 31.3 | 3.6  | 25.4%        | 11.7% |       |
| PVI | Bảo hiểm          | 28.5                          | 0.0%   | 0.8  | 290                       | 0.4                              | 2,363        | 12.1 | 1.0  | 43.9%        | 10.3% |       |
| VIC | Bất động sản      | 105.0                         | -1.1%  | 1.1  | 14,763                    | 3.3                              | 1,932        | 54.4 | 9.5  | 8.3%         | 16.3% |       |
| VRE | Bất động sản      | 36.9                          | 1.1%   | 1.1  | 3,090                     | 1.1                              | 791          | 46.6 | 2.7  | 32.0%        | 5.7%  |       |
| NVL | Bất động sản      | 51.1                          | -1.7%  | 0.8  | 2,043                     | 2.7                              | 2,534        | 20.2 | 3.3  | 9.7%         | 18.7% |       |
| REE | Bất động sản      | 30.5                          | -0.7%  | 1.0  | 417                       | 0.3                              | 4,605        | 6.6  | 1.2  | 49.0%        | 19.2% |       |
| DXG | Bất động sản      | 22.6                          | -5.0%  | 1.4  | 341                       | 3.6                              | 2,690        | 8.4  | 1.9  | 43.4%        | 24.6% |       |
| SSI | Chứng khoán       | 27.8                          | -2.8%  | 1.3  | 612                       | 4.1                              | 2,602        | 10.7 | 1.6  | 55.2%        | 14.8% |       |
| VCI | Chứng khoán       | 76.0                          | 0.5%   | 1.0  | 402                       | 0.7                              | 5,790        | 13.1 | 3.0  | 40.8%        | 30.5% |       |
| HCM | Chứng khoán       | 50.8                          | -5.0%  | 1.2  | 290                       | 0.5                              | 6,048        | 8.4  | 2.2  | 60.2%        | 28.3% |       |
| FPT | Công nghệ         | 40.2                          | -1.6%  | 0.8  | 1,085                     | 1.1                              | 4,964        | 8.1  | 2.1  | 49.0%        | 27.7% |       |
| FOX | Công nghệ         | 51.0                          | 4.1%   | 0.4  | 508                       | 0.0                              | 3,453        | 14.8 | 3.8  | 0.2%         | 26.5% |       |
| GAS | Dầu khí           | 79.5                          | 0.5%   | 1.5  | 6,703                     | 1.8                              | 5,149        | 15.4 | 3.5  | 3.4%         | 23.9% |       |
| PLX | Dầu khí           | 55.0                          | 1.1%   | 1.5  | 2,808                     | 0.9                              | 2,920        | 18.8 | 3.0  | 10.8%        | 16.0% |       |
| PVS | Dầu khí           | 16.0                          | 0.6%   | 1.7  | 315                       | 4.2                              | 1,786        | 9.0  | 0.7  | 18.3%        | 7.5%  |       |
| BSR | Dầu khí           | 15.9                          | -2.5%  | 0.8  | 2,172                     | 0.9                              | #N/A         | N/A  | #N/A | N/A          | 51.6% | 23.0% |
| DHG | Dược              | 99.1                          | -4.7%  | 0.5  | 571                       | 0.8                              | 4,344        | 22.8 | 4.7  | 47.1%        | 19.5% |       |
| DPM | Hóa chất          | 16.8                          | 1.2%   | 1.0  | 290                       | 0.2                              | 1,426        | 11.8 | 0.8  | 20.2%        | 8.0%  |       |
| DCM | Hóa chất          | 10.2                          | 0.0%   | 0.6  | 238                       | 0.1                              | 1,024        | 10.0 | 0.8  | 4.1%         | 8.7%  |       |
| VCB | Ngân hàng         | 54.0                          | -1.8%  | 1.4  | 8,559                     | 3.5                              | 2,888        | 18.7 | 3.5  | 20.7%        | 19.6% |       |
| BID | Ngân hàng         | 23.3                          | 0.9%   | 1.6  | 3,509                     | 5.7                              | 2,030        | 11.5 | 1.7  | 2.4%         | 15.1% |       |
| CTG | Ngân hàng         | 22.1                          | 0.9%   | 1.6  | 3,625                     | 5.8                              | 2,103        | 10.5 | 1.2  | 29.9%        | 12.6% |       |
| VPB | Ngân hàng         | 27.1                          | 0.6%   | 1.2  | 2,893                     | 2.6                              | 2,663        | 10.2 | 2.3  | 23.5%        | 26.9% |       |
| MBB | Ngân hàng         | 20.4                          | 0.7%   | 1.2  | 1,942                     | 3.9                              | 1,933        | 10.6 | 1.5  | 20.0%        | 15.2% |       |
| ACB | Ngân hàng         | 33.0                          | 0.6%   | 1.1  | 1,577                     | 7.6                              | 2,568        | 12.9 | 2.1  | 30.0%        | 17.5% |       |
| BMP | Nhựa              | 56.2                          | -3.1%  | 0.8  | 203                       | 0.3                              | 5,511        | 10.2 | 1.8  | 74.6%        | 18.3% |       |
| NTP | Nhựa              | 42.4                          | 3.4%   | 0.5  | 167                       | 0.0                              | 4,922        | 8.6  | 1.8  | 23.0%        | 21.7% |       |
| MSR | Tài nguyên        | 19.8                          | 5.9%   | 1.4  | 628                       | 0.0                              | 286          | 69.2 | 1.2  | 2.1%         | 1.8%  |       |
| HPG | Thép              | 35.7                          | -3.0%  | 0.9  | 3,340                     | 6.1                              | 3,975        | 9.0  | 2.2  | 39.1%        | 29.8% |       |
| HSG | Thép              | 10.4                          | -0.5%  | 1.3  | 176                       | 0.8                              | 2,353        | 4.4  | 0.7  | 21.2%        | 17.8% |       |
| VNM | Tiêu dùng         | 167.0                         | 0.6%   | 0.6  | 10,677                    | 2.4                              | 6,234        | 26.8 | 9.4  | 59.5%        | 35.8% |       |
| SAB | Tiêu dùng         | 220.7                         | 0.3%   | 0.8  | 6,235                     | 0.2                              | 7,227        | 30.5 | 9.8  | 9.7%         | 34.8% |       |
| MSN | Tiêu dùng         | 74.2                          | 0.3%   | 1.1  | 3,443                     | 1.4                              | 3,448        | 21.5 | 5.2  | 28.9%        | 24.3% |       |
| SBT | Tiêu dùng         | 15.3                          | 2.7%   | 0.8  | 334                       | 1.7                              | 1,115        | 13.7 | 1.2  | 7.3%         | 7.4%  |       |
| ACV | Vận tải           | 84.0                          | -1.8%  | 0.8  | 8,056                     | 0.0                              | 1,883        | 44.6 | 6.7  | 3.6%         | 15.9% |       |
| VJC | Vận tải           | 130.5                         | -1.8%  | 1.1  | 3,114                     | 2.4                              | 9,463        | 13.8 | 6.7  | 24.6%        | 67.1% |       |
| HVN | Vận tải           | 29.9                          | -0.3%  | 1.7  | 1,643                     | 0.3                              | 1,727        | 17.3 | 2.4  | 9.1%         | 14.6% |       |
| GMD | Vận tải           | 24.3                          | 0.0%   | 0.9  | 308                       | 0.2                              | 5,793        | 4.2  | 1.2  | 20.4%        | 29.8% |       |
| PVT | Vận tải           | 14.6                          | 0.7%   | 0.8  | 181                       | 0.0                              | 1,670        | 8.7  | 1.1  | 33.6%        | 12.6% |       |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 83.7                          | 0.7%   | 1.0  | 590                       | 0.4                              | 6,408        | 13.1 | 5.6  | 2.5%         | 57.9% |       |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 16.7                          | -9.7%  | 0.9  | 330                       | 3.7                              | 1,354        | 12.3 | 1.2  | 23.3%        | 10.1% |       |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 11.0                          | 0.0%   | 0.7  | 184                       | 0.0                              | 1,207        | 9.1  | 0.8  | 5.9%         | 8.7%  |       |
| CTD | Xây dựng          | 141.0                         | 1.5%   | 0.7  | 486                       | 0.7                              | 20,255       | 7.0  | 1.4  | 42.0%        | 22.0% |       |
| VCG | Xây dựng          | 15.6                          | -0.6%  | 1.3  | 304                       | 0.2                              | 2,887        | 5.4  | 1.1  | 10.8%        | 20.4% |       |
| CII | Xây dựng          | 25.4                          | 0.0%   | 0.6  | 276                       | 0.6                              | 1,208        | 21.0 | 1.3  | 56.5%        | 6.1%  |       |
| POW | Điện              | 11.7                          | -0.8%  | 0.6  | 1,207                     | 0.7                              | 1,026        | 11.4 | 1.0  | 65.6%        | 9.1%  |       |
| NT2 | Điện              | 29.9                          | 1.0%   | 0.6  | 379                       | 0.3                              | 2,646        | 11.3 | 1.6  | 21.1%        | 14.6% |       |

## Thống kê thị trường

**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index**

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| VNM | 167.00 | 0.60 | 0.49     | 320530.00 |
| BHN | 80.80  | 6.88 | 0.40     | 2630.00   |
| VHM | 112.80 | 0.27 | 0.27     | 134390.00 |
| PLX | 55.00  | 1.10 | 0.26     | 358880.00 |
| GAS | 79.50  | 0.51 | 0.26     | 499120.00 |

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index**

| CK  | Giá    | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|-------|----------|-----------|
| VCB | 54.00  | -1.82 | -1.20    | 1.43MLN   |
| VIC | 105.00 | -1.13 | -1.06    | 701990.00 |
| HPG | 35.70  | -2.99 | -0.78    | 3.85MLN   |
| VJC | 130.50 | -1.81 | -0.36    | 413180.00 |
| NVL | 51.10  | -1.73 | -0.27    | 1.23MLN   |

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX**

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| DGW | 21.40  | 7.00 | 0.02     | 902810.00 |
| NVT | 6.42   | 7.00 | 0.01     | 381600.00 |
| YEG | 240.70 | 6.98 | 0.14     | 11290.00  |
| L10 | 18.50  | 6.94 | 0.00     | 290.00    |
| HVX | 3.87   | 6.91 | 0.00     | 70.00     |

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX**

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| EVG | 4.93  | -7.68 | 0.00     | 282610.00 |
| CLG | 2.68  | -6.94 | 0.00     | 2830.00   |
| HOT | 29.55 | -6.93 | -0.01    | 180.00    |
| BTT | 32.95 | -6.92 | -0.01    | 10.00     |
| VTB | 15.65 | -6.85 | -0.01    | 10.00     |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index**

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| ACB | 33.00 | 0.61 | 0.17     | 5.16MLN   |
| DBC | 24.90 | 5.96 | 0.08     | 89423.00  |
| PGS | 31.10 | 7.24 | 0.07     | 160330.00 |
| DL1 | 36.20 | 2.84 | 0.06     | 29500.00  |
| NTP | 42.40 | 3.41 | 0.05     | 10200.00  |

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index**

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| VGC | 16.70 | -9.73 | -0.21    | 4.91MLN   |
| SHB | 7.70  | -1.28 | -0.11    | 5.00MLN   |
| VCG | 15.60 | -3.11 | -0.06    | 275789.00 |
| SLS | 70.00 | -6.67 | -0.03    | 900.00    |
| SHN | 9.90  | -1.98 | -0.02    | 23108.00  |

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX**

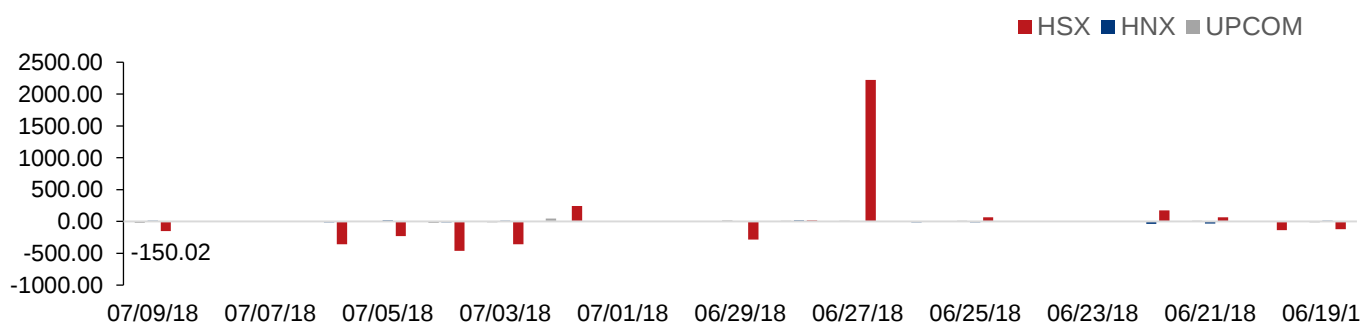
| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| DCS | 1.10  | 10.00 | 0.01     | 127400.00 |
| HGM | 40.70 | 10.00 | 0.02     | 400.00    |
| L35 | 3.30  | 10.00 | 0.00     | 300.00    |
| PSE | 8.80  | 10.00 | 0.00     | 2800.00   |
| SGC | 77.00 | 10.00 | 0.02     | 400.00    |

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX**

| CK  | Giá  | %      | Index pt | KLGD     |
|-----|------|--------|----------|----------|
| PVV | 0.80 | -11.11 | 0.00     | 74500.00 |
| ONE | 9.10 | -9.90  | 0.00     | 31100.00 |
| DID | 4.60 | -9.80  | 0.00     | 10100.00 |
| NHA | 9.30 | -9.71  | -0.01    | 100.00   |
| KMT | 5.80 | -9.38  | 0.00     | 500.00   |

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                 | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|---------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018    | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1    | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2   | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E   | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|-------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | CSM | Cao su       | Nắm giữ     | 14/03/2018      | 14.7                | 17.0         | 13.2         | 293    | 45.1  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | NT2 | Điện         | Nắm giữ     | 3/12/2018       | 29.3                | 30.2         | 29.9         | 2,646  | 11.3  | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | EIB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 15.0                | 17.3         | 14.1         | 920    | 15.3  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | VIS | Thép         | Theo dõi    | 13/03/2018      | 34.7                | 43.0         | 30.2         | 206    | 146.3 | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | ACB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 46.8                | 55.8         | 33.0         | 2,568  | 12.9  | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | VSC | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/8/2018        | 42.1                | 45.4         | 32.5         | 5,102  | 6.4   | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | DIG | Bất động sản | Mua         | 3/8/2018        | 27.3                | 36.6         | 14.1         | 930    | 15.2  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | PVT | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/5/2018        | 18.0                | 20.2         | 14.6         | 1,670  | 8.7   | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | HPG | Thép         | Mua         | 3/1/2018        | 66.7                | 79.3         | 35.7         | 3,975  | 9.0   | 2.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | DXG | Bất động sản | Mua mạnh    | 2/12/2018       | 28.2                | 40.0         | 22.6         | 2,690  | 8.4   | 1.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | TNG | Dệt may      | Mua         | 16/01/2018      | 15.5                | 18.1         | 10.1         | 2,478  | 4.1   | 0.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | CSV | Cao su       | Mua         | 12/6/2017       | 34.3                | 42.0         | 29.8         | 5,535  | 5.4   | 1.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 15/11/2017      | 56.9                | 70.2         | 40.2         | 4,964  | 8.1   | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | VCB | Ngân hàng    | Nắm giữ     | 13/11/2017      | 43.1                | 45.0         | 54.0         | 2,888  | 18.7  | 3.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | PVS | Dầu khí      | Mua         | 11/8/2017       | 16.1                | 17.5         | 16.0         | 1,786  | 9.0   | 0.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | MBB | Ngân hàng    | Mua         | 11/3/2017       | 22.6                | 26.0         | 20.4         | 1,933  | 10.6  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | CTD | Xây dựng     | Mua         | 11/3/2017       | 225.0               | 254.3        | 141.0        | 20,255 | 7.0   | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | HAG | Nông nghiệp  | Mua         | 11/2/2017       | 8.0                 | 14.6         | 5.0          | 160    | 31.3  | 0.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | RAL | Tiêu dùng    | Mua         | 24/10/2017      | 134.1               | 167.5        | 94.0         | 18,721 | 5.0   | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | PNJ | Bán lẻ       | Mua         | 23/10/2017      | 109.0               | 132.0        | 82.5         | 4,872  | 16.9  | 4.2 | <a href="#">Click</a> |               |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

